

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 22/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 28/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo:

Cao Văn L, sinh năm 1984 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: **ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Cao Văn M**, sinh năm: 1962 (đã chết) và bà **Tô Xiếu H**, sinh năm 1962 (đã chết); vợ: **Lâm Thị Hồng C**, sinh năm 1989 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: ngày 09/5/2023 bị TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST); nhân thân: ngày 08/5/2018 bị **Công an huyện Đ**, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tham gia đá gà ăn tiền (Quyết định số 72/QĐ-XLVPHC) bị cáo bị đang chấp hành án tại **Trại giam Đ, tỉnh Lâm Đồng** từ ngày 04/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; chỗ ở hiện nay: **số H, ấp P, xã P, thành phố Bến T, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Phúc S**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **số A, khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 05 phút ngày 04/11/2023, **Cao Văn L** đến uống cà phê tại **Quán A ở ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Khi uống cà phê **L** nhìn thấy xe mô tô Biển

số 71B3-444.92, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ-đen của ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm: 1982, ĐKTT: **Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** dựng gần khu vực nhà vệ sinh của quán, trên xe còn chìa khóa khởi động, thấy không có ai trông coi nên **L** nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô Biển số 71B3-444.92 đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. **L** đến chỗ dựng xe, lấy xe mô tô Biển số 71B3-444.92 khởi động xe chạy qua **Tiền Giang theo quốc lộ A hướng về Thành phố Hồ Chí Minh**. Khi **L** điều khiển xe mô tô Biển số 71B3-444.92 đến **thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An** thì bị tổ tuần tra **Công an thị trấn B** phát hiện bắt giữ. Tại **Công an huyện B, tỉnh Long An**, **L** khai nhận xe mô tô Biển số 71B3-444.92 là xe do **L** trộm ở **thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

Vật chứng tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 71B3-444.92, nhãn hiệu Honda số loại Blade, màu đỏ-đen, số máy: JA36E0575789, số khung: 3655GY105019.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 1033/KL-HĐĐG ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-444.92, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ-đen, số máy: JA36E0575789, số khung: 3655GY105019 trị giá tài sản ngày 04/11/2023 là 7.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại **Nguyễn Thanh H1** 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3- 444.92, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ-đen, số máy: JA36E0575789, số khung: 3655GY105019 vào ngày 14/3/2024. Hiện bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra, **Cao Văn L** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Tại cáo trạng số 25/CT-VKSTPBT ngày 25/3/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để buộc bị cáo chấp hành chung. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại cho bị hại **Nguyễn Thanh H1** 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3- 444.92, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ-đen. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 16 giờ 05 phút ngày 04/11/2023, tại Quán A ở ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre Cao Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô Biển số 71B3-444.92 của ông Nguyễn Thanh H1 trị giá 7.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 7.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa, ngoài ra bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu tiết “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” và “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo đang chấp hành bản án hình phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 bản án để buộc bị cáo chấp hành chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh H1 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3- 444.92, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ-đen. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai buộc bị cáo chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2023 (được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 06/10/2022).

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Cao Văn L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Trần Thới, H. Cái Nước, T. CM (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình